

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 812/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 7 - 2022

*“V/v Ly hôn”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Bà Nguyễn Thị Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hạnh - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 605/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1969; có đơn xin vắng mặt.

*Địa chỉ:* Tổ 6, khu vực 2, P.T, Tp. Q, tỉnh B.

*Bị đơn:* Chị Vy Thị Ngọc B, sinh năm: 1966; vắng mặt

*Địa chỉ:* 52 Âu Cơ, phường B, Tp. Q, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Vy Thị Ngọc B tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào tháng 4/1986 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đến năm 2004 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau trong cách sống, lối sống và về kinh tế nên tự sống ly thân từ năm 2004 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa nên anh quyết định xin được ly hôn chị Vy Thị Ngọc B để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống anh và chị B có 04 người con chung là: Nguyễn Thị Bích H, sinh năm: 1987; Nguyễn Thị Bích P, sinh năm: 1991; Nguyễn Thành C, sinh năm: 1993 và Nguyễn Ngọc P, sinh năm: 1998. Sức khỏe các con bình thường hiện nay đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị B không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn chị Vy Thị Ngọc B: Tòa đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo theo quy định của pháp luật yêu cầu chị Vy Thị Ngọc B đến Tòa làm việc nhiều lần nhưng chị B không đến.

+ *Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa.

+ *Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:*

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn H ly hôn chị Vy Thị Ngọc B.

- Về con chung: Anh H và chị B có 04 con chung là: Nguyễn Thị Bích H, sinh năm: 1987, Nguyễn Thị Bích P, sinh năm: 1991, Nguyễn Thành C, sinh năm: 1993 và Nguyễn Ngọc P, sinh năm: 1998. Hiện nay đã trưởng thành nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tòa không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Văn H - là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Còn chị Vy Thị Ngọc B - là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Anh Nguyễn Văn H và chị Vy Thị Ngọc B chung sống với nhau từ tháng 4/1986 không có đăng ký kết hôn theo xác nhận của UBND phường T, thành phố Q ngày 15/4/2022. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị B theo điểm a mục 3 Nghị Quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay anh H xin ly hôn chị B vì tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án chị Vy Thị Ngọc B cố tình vắng mặt không đến Tòa làm việc. Tòa đã tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật yêu cầu chị B

đến Tòa làm việc, tạo điều kiện cho chị B hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị B vẫn cố tình vắng mặt.

Xét thấy hôn nhân giữa anh H và chị B không còn thương yêu, quý trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống vợ chồng. Do đó hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của anh H là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Anh H và chị B có 04 con chung là: Nguyễn Thị Bích H, sinh năm: 1987; Nguyễn Thị Bích P, sinh năm: 1991; Nguyễn Thành C, sinh năm: 1993 và Nguyễn Ngọc P, sinh năm: 1998. Hiện nay đã trưởng thành nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung*: Anh H không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[3] *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a mục 3 Nghị Quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn H ly hôn chị Vy Thị Ngọc B.
2. Về con chung: Anh H và chị B có 04 con chung là: Nguyễn Thị Bích H, sinh năm: 1987; Nguyễn Thị Bích P, sinh năm: 1991; Nguyễn Thành C, sinh năm: 1993 và Nguyễn Ngọc P, sinh năm: 1998. Hiện nay đã trưởng thành nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.
4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai số 0003748 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn. Anh H đã nộp đủ án phí.
5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.
6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSNDTp.Quy Nhơn;
- UBND phường Trần Quang Diệu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hương**